

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:33/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 19 - 4 - 2021

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nha
2. Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 310/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Hồng T, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn Xuân H, xã N, thị xã N, tỉnh K (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Mai T, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh K (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24/11/2020, bản tự khai ngày 30/11/2020, các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Hồng T trình bày:

Tôi và chị Lê Mai T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 16/7/2012.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Tôi và chị T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay. Giữa tôi và chị T đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Lê Mai T.

- *Về con chung*: Tôi và chị Lê Mai T có 01 con chung là Bùi Thị Huyền T, sinh ngày: 08/6/2012. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2021, bị đơn chị Lê Mai T trình bày:

Tôi và ông Bùi Hồng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2012, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53 tại Ủy ban nhân dân phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tôi không còn chung sống với nhau nhiều năm nay. Nay ông Bùi Hồng T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với tôi. Tôi đồng ý ly hôn ông Bùi Hồng T.

Về con chung: Tôi và ông Bùi Hồng T có 01 con chung là Bùi Thị Huyền T, sinh ngày: 08/6/2012. Hiện nay tôi đang bị tạm giam nên tôi đồng ý giao cháu T cho ông Bùi Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Bùi Hồng T và chị Lê Mai T được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Huyền T, sinh ngày: 08/6/2012 cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Đang sự không có yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung: Đang sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Hồng T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với chị Lê Mai T, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hồng T và chị Lê Mai T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, được Ủy ban nhân dân phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 16/7/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên cãi vã, xúc phạm nhau, thời gian từ năm 2013 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau và hiện nay nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Bị đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn.

[2.2] Về con chung: Anh Bùi Hồng T và chị Lê Mai T có 01 con chung là cháu Bùi Thị Huyền T, sinh ngày: 08/6/2012. Anh T yêu cầu được nuôi con, chị T đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng và cháu T có nguyện vọng được ở với anh T. Xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó giao cháu Bùi Huyền T cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Hồng T không yêu cầu nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Bùi Hồng T và chị Lê Mai T không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Anh Bùi Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Bùi Hồng T được ly hôn với chị Lê Mai T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Huyền T, sinh ngày: 08/6/2012 cho anh Bùi Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Hồng T không yêu cầu nên không xét.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Bùi Hồng T và chị Lê Mai T không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Hồng T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn”, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0000996 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, anh Bùi Hồng T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Quy định: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND phường Cam Lợi;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân